

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 3 -2023

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Loan và bà Phan Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2022/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1992

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. *Bị đơn:* anh Hoàng Văn D, sinh năm 1987

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt. Bị đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn D có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 22/9/2010 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình bên nội được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, có nhiều lúc xảy ra xô xát, anh D thường hay uống rượu say, hay ghen tuông vô cớ rồi đánh đập chị. Đã nhiều lần vợ chồng và gia đình hai bên ngồi lại hoà giải, tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng vẫn không cải thiện được. Từ đầu năm 2016 chị B đã quyết định đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn anh Hoàng Văn D.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 03 con chung tên là Hoàng Bảo T, sinh ngày 22/4/2008; Hoàng Gia B, sinh ngày 27/10/2009 và Hoàng Văn T, sinh ngày 30/9/2014. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn là được nuôi cháu Hoàng Bảo T và Hoàng Văn T còn giao con Hoàng Gia B cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Chị có đủ khả năng nuôi con trưởng thành nên không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo trình bày của bị đơn – anh Hoàng Văn D tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt: Anh thừa nhận anh và chị B kết hôn với nhau tại UBND xã P, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bên nội. Đến năm 2016 chị B bỏ nhà đi không rõ lý do vì sao, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân. Đã nhiều lần anh khuyên chị B quay về để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng chị B không về. Hiện tại anh không còn tình cảm với chị B nữa. Nay chị B làm đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng anh chị có 03 con chung như chị B trình bày, anh có nguyện vọng được nuôi con Hoàng Gia B còn giao các con Hoàng Bảo T và Hoàng Văn T giao cho chị B trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 07/02/2023 và ngày 14/02/2023. Tuy nhiên, tại phiên họp chị B có mặt còn anh D vắng mặt nên không thể tổ chức hòa giải được. Ngày 14/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch nhận được bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Hoàng Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị B, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”; anh D cư trú tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Hoàng Văn D đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, lý do xin xét xử vắng mặt của anh là chính đáng, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Văn D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn D kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình ngày 22/9/2010 nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D hay ghen tuông vô cớ, hay uống rượu rồi đánh đập chị B. Đến đầu năm 2016, do không chịu đựng được nữa nên chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ,

không còn chung sống với anh D nữa. Kể từ đó vợ chồng anh chị sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, cả chị B và anh D đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại nên chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Hoàng Văn D. Tại bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt, anh D cũng đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật mà không thể hiện sự níu kéo nào với chị B. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị B và anh D đã hết, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị B xử cho chị B được ly hôn anh Hoàng Văn D là phù hợp.

[2.2.] Về quan hệ con chung: Chị B và anh D đều thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Hoàng Bảo T, sinh ngày 22/4/2008; Hoàng Gia B, sinh ngày 27/10/2009 và Hoàng Văn T, sinh ngày 30/9/2014. Nguyên vọng của chị B là được nuôi cháu Thi và cháu Trường còn giao cháu Bảo cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng; anh D cũng đồng ý với nguyên vọng đó của chị B. Ngoài ra, chị B cam kết có đủ điều kiện nuôi dưỡng các con nên không yêu cầu anh D phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Xét nguyện vọng nuôi con của chị B, anh D là chính đáng, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Hoàng Văn D điều thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Văn D.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Hoàng Văn D.
3. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung là Hoàng Bảo T, sinh ngày 22/4/2008 và Hoàng Văn T, sinh ngày 30/9/2014 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Hoàng Gia B, sinh ngày 27/10/2009 cho anh Hoàng Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cùng chị B.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí vụ kiện: Chị Nguyễn Thị B phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002671 ngày 19 tháng 12 năm 2023. Chị B đã nộp đủ án phí vụ kiện.

5. Án xử sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/3/2023); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bồ Trạch;
 - Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
 - TAND tỉnh Quảng Bình;
 - UBND xã P
- Số giấy CNKH 81 ngày 22/9/2010
tại UBND xã P;
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu